

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện Nga Sơn,
tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 44/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù và các quy định của pháp luật có liên quan;

Theo đề nghị của UBND huyện Nga Sơn tại Tờ trình số 162/TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2018; của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 464/SXD-QH ngày 22 tháng 01 năm 2019 về việc nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050, với những nội dung chính sau:

1. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch:

Phạm vi lập quy hoạch bao gồm toàn bộ địa giới hành chính huyện Nga Sơn, diện tích tự nhiên khoảng 157,82 km², giới hạn như sau:

- Phía Bắc giáp huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình;
- Phía Nam giáp huyện Hậu Lộc;
- Phía Đông giáp biển Đông;
- Phía Tây giáp với huyện Hà Trung và thị xã Bim Sơn.

Huyện Nga Sơn có 27 đơn vị hành chính gồm 01 thị trấn huyện và 26 xã. Với tổng diện tích tự nhiên 157,82 km², dân số thống kê năm 2017 khoảng 139.544 người (theo số liệu niên giám thống kê huyện Nga Sơn năm 2017). Mật độ dân số trung bình: 884,2 người/km².

2. Mục tiêu:

- Cụ thể hóa Quyết định số 872/QĐ-TTg ngày 17/6/2015 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020 định hướng đến năm 2030, Nghị Quyết đại hội Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XVIII và và Nghị quyết đại hội Đảng bộ huyện Nga Sơn lần thứ XXII nhiệm kỳ 2015 – 2020.

- Hoàn thành mục tiêu huyện đạt chuẩn nông thôn mới trước năm 2020.

- Phát huy các tiềm năng, thế mạnh của huyện Nga Sơn để phát triển kinh tế - xã hội toàn diện, khai thác có hiệu quả mối quan hệ nội ngoại vùng, quan hệ trong nước, khai thác thế mạnh về đầu mối giao thông, công nghiệp, du lịch, nông ngư nghiệp. Xây dựng nông thôn mới, tạo dựng hình ảnh của huyện Nga Sơn là huyện có bề dày lịch sử, truyền thống văn hóa; huyện mạnh của tỉnh với cơ cấu kinh tế chủ đạo là công nghiệp - xây dựng và dịch vụ du lịch.

- Xây dựng cấu trúc không gian vùng lãnh thổ, liên kết đô thị, diêm dân cư nông thôn, liên kết các cực tăng trưởng kinh tế, đảm bảo phát triển cân đối hài hòa giữa đô thị và nông thôn; đảm bảo tính ổn định, phát triển bền vững; kết hợp chặt chẽ việc đảm bảo an ninh, quốc phòng và an toàn xã hội.

- Là cơ sở để triển khai lập các quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù, quy hoạch xây dựng nông thôn và quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật cấp vùng. Xây dựng chương trình phát triển đô thị.

3. Tính chất, chức năng, vai trò của vùng:

- Là vùng phát triển đô thị, dịch vụ công nghiệp tập trung, phát triển dịch vụ du lịch tâm linh, du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, phát triển nông nghiệp

chất lượng cao và các ngành kinh tế biển, phát triển làng nghề truyền thống gắn với khai thác du lịch.

- Là đầu mối thương mại phía Đông Bắc, liên kết giao thông vùng phía Đông Bắc của tỉnh với các tỉnh lân cận.

4. Yêu cầu về dự báo sơ bộ quy mô vùng.

Nêu cơ sở để dự báo quy mô phát triển vùng huyện: Các điều kiện tự nhiên, tiềm năng đất đai và quỹ đất xây dựng; hiện trạng về phát triển kinh tế, những khu vực kinh tế chủ đạo của huyện và từng địa bàn; Tình hình đầu tư công nghiệp, dân cư và phát triển đô thị, phân bố công trình HTXH, tăng trưởng dân số, xây dựng và quản lý đô thị, nông thôn...

a) Dự báo sơ bộ về quy mô dân số:

- Dân số hiện trạng khu vực quy hoạch khoảng 139.544 người;

- Dự báo đến năm 2025: Khoảng 155.000 người, dân số đô thị khoảng 25.000 người, tỷ lệ đô thị hóa (dân số sống trong khu vực nội thành, nội thị và thị trấn so với tổng dân số toàn huyện) 17 %;

- Dự báo đến năm 2035: Khoảng 165.000 người; dân số đô thị khoảng 48.000 người, tỷ lệ đô thị hóa (dân số sống trong khu vực nội thành, nội thị và thị trấn so với tổng dân số toàn huyện) 31 %;

- Đề xuất mô hình phân bố dân cư đô thị và nông thôn theo các vùng. Đề xuất các mục tiêu, quy mô phát triển, chính sách để kiểm soát, điều tiết phát triển dân số nhằm mục tiêu bảo đảm cân đối giữa phát triển dân số với phát triển kinh tế và khả năng đáp ứng của hạ tầng đô thị.

b) Dự báo sơ bộ về quy mô đất đai:

- Hiện trạng diện tích tự nhiên vùng huyện Nga Sơn là 157,82 km²; hiện trạng đất xây dựng đô thị 1147,76 ha.

- Dự báo quỹ đất xây dựng đô thị: đến năm 2025 khoảng 4.380 ha; đến năm 2035 đất xây dựng đô thị khoảng: 4.638 ha.

- Cơ cấu sử dụng đất đô thị: Thực hiện theo quy chuẩn quy hoạch xây dựng Việt Nam và phù hợp định hướng phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, huyện.

5. Nội dung yêu cầu nghiên cứu

5.1. Yêu cầu về phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên và hiện trạng vùng:

- Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, hiện trạng kinh tế xã hội, hệ thống đô thị và điểm dân cư nông thôn, sử dụng đất đai, hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, môi trường và những yếu tố mang tính đặc thù của vùng.

- Phân tích, đánh giá liên kết giữa huyện Nga Sơn với các vùng lân cận, nêu rõ tiềm năng lợi thế của huyện trong tổng thể liên kết về không gian kinh tế, xã hội, kết nối giao thông và hạ tầng kỹ thuật. Các đánh giá phải nêu bật được sự khác biệt, tính đặc thù và tiềm năng nổi trội.

- Rà soát và đánh giá các đề án, các cơ chế chính sách quản lý và phát triển theo quy hoạch của tỉnh, các quy hoạch xây dựng đã có, dự án đầu tư cấp Quốc gia, cấp tỉnh, các dự án cấp huyện đã và đang triển khai. Đánh giá tính hiệu quả, sự phù hợp với tổng thể chung trong thời kỳ mới;

5.2. Yêu cầu về định hướng phát triển không gian vùng:

- Đề xuất, lựa chọn mô hình phát triển không gian vùng;

- Xác định các phân vùng kiểm soát quản lý phát triển. Đối với vùng dọc tuyến đường cao tốc, hành lang kinh tế liên tỉnh, xác định phân vùng theo đoạn tuyến và tổ chức kết nối vùng dọc tuyến; các dự báo phát triển kinh tế vùng Bắc Trung Bộ và thành phố Thanh Hóa, Khu công nghiệp Hà Trung, vùng kinh tế ven biển; nhận dạng những tác động đến quy hoạch vùng huyện Nga Sơn.

- Đề xuất định hướng phát triển không gian vùng trên cơ sở phân vùng chức năng các vùng phát triển công nghiệp - du lịch - thương mại - dịch vụ, cũng như các vùng sản xuất nông nghiệp khác.

- Đối với trục động lực phát triển: Trục QL10, QL217, QL217B, tuyến đường bộ ven biển.

- Đối với vùng trung tâm thị trấn: Là trung tâm văn hoá, chính trị, hành chính, văn hoá, kinh tế của cả huyện, tập trung các hoạt động thương mại và trung tâm du lịch. Làm rõ quan điểm, nguyên tắc, tiêu chí cho các giải pháp định hướng phát triển không gian vùng đô thị trung tâm làm tiền đề cho nghiên cứu quy hoạch sau này;

- Xác định, tổ chức hệ thống đô thị và nông thôn: Mô hình phát triển, cấu trúc hệ thống đô thị và khu vực nông thôn phù hợp với đặc điểm kinh tế, văn hóa, xã hội; phân cấp, phân loại đô thị theo không gian lãnh thổ và quản lý hành chính; xác định quy mô dân số, đất xây dựng đô thị;

+ Về hệ thống đô thị: Phát triển đô thị theo các quy hoạch đã được duyệt gồm đô thị Hới Đào Nga Liên, Điền Hộ Nga Điền; Là trung tâm kinh tế xã hội, thương mại dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp của tiểu vùng phía Bắc-Đông Bắc huyện Nga Sơn.

+ Về phát triển nông thôn: Phát triển hệ thống khu dân cư nông thôn phù hợp yêu cầu phát triển nông thôn mới, hạn chế tối đa việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp nhằm đảm bảo an ninh lương thực và tiết kiệm đất đai.

- Đối với các khu chức năng đặc thù: xác định quy mô, tính chất các khu chức năng đặc thù.

+ Đối với vùng sản xuất, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: Đề xuất phân bố các cụm công nghiệp gắn với cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, phát triển sản xuất hàng tiêu dùng và xuất khẩu, chế biến nông sản.

Đối với phát triển vùng du lịch:

+ Xác định các khu chức năng đặc thù khác như: khu du lịch, khu bảo tồn cảnh quan, lịch sử văn hóa, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao...

+ Đối với vùng phát triển du lịch: Tập trung phát triển du lịch, dịch vụ du lịch ven biển; du lịch văn hóa, tâm linh gắn với bảo tồn và phát huy giá trị các khu di tích. Ưu tiên phát triển sản phẩm du lịch cao cấp, chất lượng cao tại các khu, điểm du lịch ven biển.

- Phân bố và xác định quy mô các khu vực bảo tồn, khu vực bảo vệ cảnh quan trong vùng.

- Đối với các khu sản xuất nông, ngư nghiệp: Xây dựng Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu chăn nuôi tập trung, khu nuôi trồng và chế biến thủy hải sản tạo ra các vùng sản xuất chuyên canh, sản xuất tập trung; trồng và chế biến cói, phát triển công nghiệp chế biến nông-thủy hải sản.

5.3. Hệ thống hạ tầng xã hội cấp vùng

- Phân bố và xác định quy mô các hệ thống công trình hạ tầng xã hội gồm: Trung tâm giáo dục, đào tạo, văn hóa, y tế, thể dục thể thao có quy mô lớn, mang ý nghĩa vùng; trung tâm thương mại, dịch vụ cấp vùng, khu vực bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, môi trường và các di tích văn hóa - lịch sử có giá trị. Đối với vùng chức năng đặc thù phải xác định các trung tâm chuyên ngành theo chức năng đặc thù. Đối với vùng dọc tuyến đường cao tốc, hành lang kinh tế liên tỉnh, phải xác định hệ thống các trung tâm công cộng dọc tuyến;

Các công trình phục vụ nhu cầu xã hội cấp vùng chủ yếu bố trí tại các khu vực đô thị sau:

- Ổn định vị trí khu hành chính – chính trị huyện, trung tâm văn hóa – thể thao huyện tại vị trí hiện có.

- Tiếp tục xây dựng phát triển các cơ sở giáo dục – đào tạo cấp vùng hiện có, nghiên cứu phát triển thêm các trung tâm đào tạo nghề gắn với các Cụm công nghiệp và dịch vụ cấp vùng.

- Hệ thống các công trình dịch vụ - thương mại bố trí đa dạng gắn với các trục đường chính, khu du lịch, gồm: các trung tâm thương mại, các công trình dịch vụ hỗn hợp cấp vùng, chợ cấp vùng

5.4. Yêu cầu về định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật vùng:

- Xác định mạng lưới, vị trí, quy mô các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật mang tính chất vùng hoặc liên vùng gồm: Chuẩn bị kỹ thuật, giao thông, phát triển điện lực, cung cấp năng lượng (khí đốt, xăng, dầu), cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang và hạ tầng viễn thông thụ động;

a) Về định hướng giao thông

- Đối với vùng dọc tuyến đường cao tốc, hành lang kinh tế liên tỉnh, tuyến đường ven biển, nội dung định hướng giao thông phải xác định được sự liên kết giữa trục đường cao tốc với hệ thống giao thông đô thị và khu chức năng ngoài đô thị; vị trí và quy mô công trình đầu mối giao thông dọc tuyến, hệ thống đường gom; tổ chức giao thông công cộng liên tỉnh dọc tuyến.

- Phân tích mô hình giao thông, xác định khung giao thông vùng, các công trình đầu mối giao thông quan trọng liên kết vùng kinh tế, trực động lực kinh tế đã xác định. Lựa chọn khung giao thông để phát triển các vùng mới, các trung tâm đô thị mới, tạo mối liên hệ hợp lý giữa đô thị với vùng và liên kết các hành lang giao thông của tỉnh.

b) Về định hướng chuẩn bị kỹ thuật:

- Phân tích, đánh giá về địa hình, các biến động về địa chất, cảnh báo các vùng cấm và hạn chế xây dựng.

- Đề xuất khung các công trình đầu mối về thoát nước mặt, xác định các lưu vực, hướng thoát nước chính và các công trình tiêu thoát nước đầu mối. Các giải pháp giải quyết các vấn đề biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai. Xác định các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động và quản lý, giám sát để đảm bảo phát triển bền vững.

c) Về định hướng quy hoạch cấp nước:

- Đánh giá về tài nguyên nước mặt và nước ngầm, nghiên cứu quy mô và công suất các công trình đầu mối cấp nước. Tính toán bổ sung nhu cầu cấp nước cho các khu vực dự kiến là đô thị trung tâm huyện lỵ, đô thị vệ tinh đến năm 2035.

- Đề xuất các giải pháp bảo vệ nguồn nước và công trình đầu mối, đặc biệt là nguồn nước ngầm..

d) Về định hướng quy hoạch cấp điện:

- Dự báo bổ sung nhu cầu phụ tải điện, bao gồm: phụ tải điện sinh hoạt, điện công trình công cộng, điện sản xuất đến năm 2035, điều chỉnh lưới truyền tải và phân phối điện theo nhu cầu phụ tải mới. Đề xuất khai thác sử dụng các nguồn năng lượng mới và tái tạo

e) Về định hướng quy hoạch thoát nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang:

- Dự báo, điều chỉnh bổ sung, công suất, quy mô của các trạm xử lý nước, trạm bơm cho các khu vực dự kiến phát triển đô thị giai đoạn đến năm 2035 và dài hạn đến năm 2050. Nghiên cứu điều chỉnh bổ sung quy mô, công suất một số công trình đầu mối xử lý chất thải rắn, và nghĩa trang cấp vùng huyện.

5.5. Yêu cầu về đánh giá môi trường chiến lược:

- Đánh giá các tác động tích cực, tiêu cực đến môi trường do quy hoạch tạo ra. Đề xuất các giải pháp giải quyết các vấn đề môi trường. Xác định các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động và quản lý, giám sát môi trường.

Các nội dung yêu cầu nghiên cứu cần thực hiện theo Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Nghị định số 44/2015/NĐ-Cp ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

6. Hồ sơ sản phẩm.

6.1. Hồ sơ địa hình phục vụ lập quy hoạch

- Sử dụng bản đồ địa hình tỉnh Thanh Hóa tỷ lệ 1/100.000 sẵn có để thực hiện bản đồ vị trí và mối quan hệ liên vùng;

- Sử dụng bản đồ số tỷ lệ 1/25.000 của Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam có hiệu chỉnh, bổ sung để thực hiện hồ sơ quy hoạch.

6.2. Hồ sơ quy hoạch

a) Thành phần và nội dung hồ sơ bản vẽ:

- Sơ đồ vị trí và liên hệ vùng: Vị trí, ranh giới của vùng, mối quan hệ về tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường có ảnh hưởng tới vùng quy hoạch. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình theo tỷ lệ thích hợp.

- Các sơ đồ hiện trạng vùng: Điều kiện tự nhiên; hiện trạng phân bố dân cư và sử dụng đất; hiện trạng hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và môi trường cấp vùng. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/25.000.

- Các sơ đồ về phân vùng và định hướng phát triển không gian vùng: Xác định các vùng phát triển, bảo tồn, hạn chế phát triển, vùng cấm phát triển; tổ chức hệ thống các đô thị, các khu vực dân cư nông thôn; phân bố, xác định quy mô các không gian phát triển công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp; các vùng nghỉ ngơi du lịch, khai thác, bảo vệ thiên nhiên, tôn tạo, các vùng di tích lịch sử văn hóa và các chức năng khác, phân bố cơ sở kinh tế - kỹ thuật cấp vùng. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/25.000.

- Các sơ đồ định hướng hạ tầng kỹ thuật cấp vùng: Giao thông, cao độ nền, thoát nước mặt, cung cấp năng lượng, viễn thông, cấp nước, quản lý chất thải và nghĩa trang. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/25.000.

- Các bản vẽ về đánh giá môi trường chiến lược. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình theo tỷ lệ thích hợp.

b) Phần văn bản gồm:

- Thuyết minh tổng hợp;
- Tờ trình xin phê duyệt quy hoạch;
- Dự thảo Quyết định, quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch;
- Các văn bản pháp lý có liên quan.

6.3. Yêu cầu về hồ sơ

- Bản đồ minh họa trong thuyết minh được thu nhỏ theo khổ giấy A3, in màu;

- Bản đồ dùng cho việc báo cáo thẩm định, phê duyệt, in màu theo tỉ lệ 1/25.000;

- Số lượng tài liệu dùng cho báo cáo thẩm định tùy theo yêu cầu của hội nghị.

- Hồ sơ trình duyệt lập thành 8 bộ in màu theo tỷ lệ, kèm theo 04 bộ hồ sơ màu in khổ A0 (chủ đầu tư, các cơ quan thẩm định quản lý), 04 đĩa CD ghi toàn bộ nội dung bản vẽ và các văn bản liên quan.

7. Dự toán kinh phí và nguồn vốn thực hiện: Giao UBND huyện Nga Sơn phê duyệt dự toán chi phí và chủ động bố trí nguồn vốn để tổ chức lập quy hoạch xây dựng vùng huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050.

8. Tổ chức thực hiện:

- Cơ quan chủ quản đầu tư và phê duyệt quy hoạch: UBND tỉnh Thanh Hóa.

- Cơ quan Chủ đầu tư và trình hồ sơ: UBND huyện Nga Sơn.

- Cơ quan tổ chức thẩm định và trình duyệt: Sở Xây dựng Thanh Hóa.

- Đơn vị lập quy hoạch: Lựa chọn đơn vị tư vấn theo quy định hiện hành.

- Thời gian lập đồ án quy hoạch: Không quá 12 tháng kể từ ngày nhiệm vụ được cấp thẩm quyền phê duyệt.

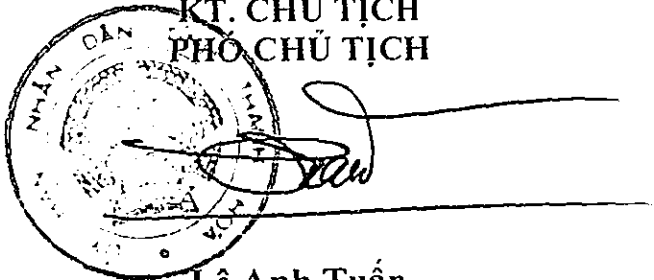
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Nga Sơn; Viện trưởng Viện Quy hoạch - Kiến trúc Thanh Hóa và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 Quyết định;
 - Chủ tịch UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, CN.
- 112 (2019) QĐ/ĐD_NV QH/VIH Nga Sơn.doc

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Anh Tuấn